

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 11/2023/HC-GĐT
Ngày 13 tháng 4 năm 2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Biên Thùy;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lệ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn K, sinh năm 1935 (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn K: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1934 (vợ); và các con là: Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; Chị Trần Thị C, sinh năm 1975; Chị Trần Thị T1, sinh năm 1974; Chị Trần Thị T2, sinh năm 1978; Anh Trần Văn D, sinh năm 1981; Chị Trần Thị Bích C1, sinh năm 1984; Anh Trần Văn V, sinh năm 1985;

Cùng cư trú tại Ấp 6, xã L, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị T1 và anh Trần Văn D: Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; cư trú tại Ấp 6, xã L, huyện C, tỉnh Bình Phước là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền số 0445, quyền số 01/2016-TP/CC-SCC ngày 27/02/2016 tại Văn phòng công chứng BL – Bình Phước).

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Đ, chị Trần Thị C, chị Trần Thị T2, chị Trần Thị Bích C1 và anh Trần Văn V: Bà Nguyễn Ngọc Diễm H, sinh năm 1965; cư trú tại Tổ 5, ấp X, xã TB, huyện Q, tỉnh Bình Phước là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền số 1332, quyền số 01/2016-TP/CC-SCC ngày 09/5/2016 tại Văn phòng công chứng BL – Bình Phước).

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường 6/1, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước

Cùng địa chỉ Khu phố TL, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước: Ông Tạ Hữu D1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 06/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962; cư trú tại Xóm 8, thôn BL, xã DL, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Ông Hà Duy P, sinh năm 1975; cư trú tại Tổ 3, Khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Ông Trần Mạnh C2, sinh năm 1977; cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Trần Kim T3, sinh năm 1955 (đã chết);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Kim T3:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết T4, sinh năm 1955; thường trú tại 104 Lô E, Chung cư Y, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại Ấp HB, xã AH, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Chị Trần Thị Đoàn T5, sinh năm 1982; cư trú tại 46 LC, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Trần Thị Tuyết Kim T6, sinh năm 1984; cư trú tại 39/1 LH, thị trấn M, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Đoàn T5 và chị Trần Thị Tuyết Kim T6: Bà Nguyễn Thị Tuyết T4 là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 006559, quyền số 05/2016/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2016 tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 13/12/1993, Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện C), tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích đất là 60.170 m² cho ông Trần Kim T3.

Ngày 16/12/1999, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 với tổng diện tích đất là 58.162 m² cho hộ gia đình ông Trần Văn K tại Ấp 6, xã L, huyện B.

Ngày 09/3/2009, ông T3 có đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông K năm 1999 do diện tích đất gia đình ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bao gồm một phần diện tích đất của gia đình ông.

Ngày 05/6/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1882/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông T3 với nội dung công nhận khiếu nại của ông T3 và buộc ông K phải trả lại diện tích 4.855m² đất cho ông T3.

Ngày 22/6/2009, ông K có đơn khiếu nại Quyết định số 1882/QĐ-UBND nêu trên đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 12/10/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5546/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 1882/QĐ-UBND nêu trên với lý do việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông T3 và ông K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 22/4/2010, ông T3 tiếp tục có đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) đã cấp cho hộ gia đình ông K, với lý do diện tích đất mà ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả phần diện tích 4.855 m² đất mà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993.

Ngày 20/10/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Văn bản số 3510/UBND-TD yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: *"Thu hồi GCNQSD đất số 01186, Thửa số 76, Tờ bản đồ số 16, tổng diện tích 58.162m² do UBND huyện B (cũ) cấp cho hộ ông Trần Văn K ngày 16/12/1999 để điều chỉnh diện tích 4.855m² đất đã cấp sai quy định. Trên cơ sở đó, cấp lại GCNQSD đất cho hộ ông Trần Văn K và hộ ông Trần Kim T3 theo đúng nguồn gốc sử dụng đất và pháp luật đất đai"*.

Ngày 13/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5227/QĐ-UBND, với nội dung:

"Điều 1. Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223, vào sổ cấp giấy số 01186 đã được UBND huyện B cấp ngày 16/12/1999, chủ sử dụng: Hộ ông Trần Văn K, tổng diện tích 58.162,0 m², gồm 04 thửa: Thửa đất số 71, Tờ bản đồ số 16, diện tích 25.059 m²; Thửa đất số 201, Tờ bản đồ số 5, diện tích 23.388 m²; Thửa đất số 222, Tờ bản đồ số 5, diện tích 2.765 m² và Thửa số 76, Tờ bản đồ số 16, diện tích 6.950 m²; tọa lạc tại Ấp 6, xã L, huyện C.

Lý do: Trong tổng diện tích đất đã cấp giấy CNQSD đất cho ông K có một phần diện tích đất của ông Trần Kim T3 và bà Hoàng Thị L. Năm 1999, khi làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất, ông K đã đăng ký phần đất của ông T3 và bà L gộp chung vào thửa đất của ông”.

Ngày 09/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Kim T3 đối với Thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 16, Ấp 6, xã L, huyện C, diện tích 9.359 m², bao gồm 400 m² đất ở nông thôn và 8.959 m² đất trồng cây lâu năm.

Ngày 09/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 cho ông Trần Kim T3 đối với Thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 16 nêu trên.

Ngày 14/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194210 cho bà Hoàng Thị L đối với Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16, tại Ấp 6, xã L, huyện C, diện tích 6.950 m², loại đất trồng cây công nghiệp lâu năm.

Ông K có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L đối với Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16 đã cấp chồng lên diện tích đất mà gia đình ông đang sử dụng.

Ngày 12/3/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông K, với lý do việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là đúng trình tự, thủ tục.

Ông K khiếu nại Quyết định số 519/QĐ-UBND nêu trên đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 24/7/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1608/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông K; giữ nguyên Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 26/01/2015, bà L lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích 6.950 m² đất tại Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16, loại đất trồng cây công nghiệp lâu năm cho ông Hà Duy P.

Ngày 14/02/2015, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 cho ông Hà Duy P đối với Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16, diện tích 6.950 m², loại đất trồng cây lâu năm.

Ngày 19/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2118/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223, vào sổ cấp giấy số 01186, ngày 16/12/1999 của hộ gia đình ông K.

Ngày 12/9/2014, ông K có đơn khởi kiện; ngày 18/3/2015 và ngày 27/11/2015, ông K có đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 5227/QĐ-UBND; Quyết định số 2864/QĐ-UBND; Quyết định số 519/QĐ-UBND; Quyết định số 1608/QĐ-UBND; Quyết định số 2118/QĐ-UBND nêu trên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 ngày 09/9/2011 của ông Trần Kim T3.

Ngày 02/5/2016, bà Trần Thị Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K có đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 của ông Hà Duy P.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông K và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ có liên quan được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại của ông K tại Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông K.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước trình bày: Trình tự, thủ tục ban hành và nội dung Quyết định số 1608/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 31/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 do UBND huyện C cấp ngày 14/02/2015 cho ông Hà Duy P.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với những yêu cầu sau:

1/ Hủy Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân có liên quan tại Ấp 6, xã L;

2/ Hủy Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND huyện C về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T3 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 194229, vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T3;

3/ *Hủy Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND huyện C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 cấp ngày 16/12/1999 của ông Trần Văn K.*

4/ *Hủy Quyết định 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn K;*

5/ *Hủy Quyết định 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn K.*

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/4/2017, bà T4 kháng cáo và ngày 10/4/2017, bà Đ kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02/12/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết T4 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Kim T3, sửa bản án sơ thẩm.

Bác kháng cáo của bà Trần Thị Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Trần Văn K, tuyên xử:

1. *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K yêu cầu hủy các quyết định bao gồm:*

- *Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân có liên quan tại Ấp 6, xã L;*

- *Quyết định giải quyết khiếu nại số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch UBND huyện C đối với ông Trần Văn K có nội dung giữ nguyên Quyết định số 5227/QĐ-UBND;*

- *Quyết định giải quyết khiếu nại số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước đối với ông Trần Văn K có nội dung giữ nguyên Quyết định số 5227/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 519/QĐ-UBND;*

- *Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND huyện C về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Kim T3;*

- *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 194229, vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T3;*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 do UBND huyện C cấp ngày 14/02/2015 cho ông Hà Duy P;

- Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND huyện C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 cấp ngày 16/12/1999 cho ông Trần Văn K.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 18/9/2020, bà Trần Thị Đ có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2022/KN-HC ngày 19/8/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với một phần Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy một phần Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần liên quan đến Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc tranh chấp giữa hộ gia đình ông K và hộ gia đình ông T3 đối với diện tích 4.855 m² đất trồng cây lâu năm tại Thửa đất số 71 (nay là Thửa đất số 203), Tờ bản đồ số 16 thì thấy:

Diện tích 4.855 m² đất nêu trên có nguồn gốc nằm trong diện tích 01 ha đất mà bố mẹ bà Nguyễn Thị Tuyết T4 (vợ ông T3) nhận chuyển nhượng của ông Phan Thanh D2 năm 1992. Năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông K bao gồm cả phần đất mà hộ gia đình ông T3 nhận chuyển nhượng của ông D2 năm 1992 và ông T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, ngày 13/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5227/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông K và ngày 09/9/2011 ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất cho ông T3, đồng thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 cho ông T3 đối với Thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 16, Ấp 6, xã L, huyện

C, diện tích 9.359 m² (bao gồm 400 m² đất ở tại nông thôn và 8.959 m² đất trồng cây lâu năm) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét việc tranh chấp giữa hộ gia đình ông K và gia đình bà L đối với diện tích 6.950 m² đất trồng cây công nghiệp lâu năm thuộc Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16 thì thấy:

[2.1] Nguồn gốc diện tích 6.950 m² đất nêu trên là do ông Trần Xuân H1 và bà Hoàng Thị L (ông H1 và bà L chung sống như vợ chồng) nhận chuyển nhượng 6.080 m² của ông Lê Doãn Q vào năm 1993. Năm 1994, ông H1 chết để lại thửa đất nêu trên cho bà L sử dụng. Năm 1995, bà Trần Thị D3 (con gái ông H1) khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu bà L trả lại vì thửa đất này là của ông H1.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT ngày 12/5/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé (cũ) đã xét xử về việc đòi tài sản giữa bà Trần Thị D3 và bà Hoàng Thị L quyết định:

“Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị D3 và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn K; sửa bản án sơ thẩm lại như sau:

- Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm trả lại chiếc xe Honda cúp 50-81 biển số 37A-636HH cho bà Trần Thị D3 chiếc xe này hiện do Tòa án nhân dân huyện B quản lý.

- Bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu nhà và quyền quản lý đất thổ cư cùng cây trái diện tích 6.080 m² tại Ấp 1, xã L, huyện B sau khi đã trả nợ cho ông K và hoàn trả phần bà D3 được hưởng của ông H1.

- Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm trả nợ cho ông K 2.212.500 đồng và 01 chỉ vàng 24k 95% và có trách nhiệm hoàn lại cho chị Trần Thị D3 số tiền 2.845.020 đồng là một phần nữa của ông H1 trong khối tài sản.

- Quản thủ nhà, đất đã giao cho bà L sở hữu, sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- Bà Trần Thị D3 có trách nhiệm trả 1 chỉ vàng 24k 95% cho ông Trần Văn K”.

Ngày 20/11/1995, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, đại diện Đội Thi hành án huyện B lập “Biên bản giải quyết thi hành án” đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT nêu trên với nội dung:

“... ông K đồng ý sẽ lấy miếng đất thổ cư của bà L và sẽ khấu trừ tất cả các khoản nợ đã nêu trong bản án của bà L và bà D3... giao miếng đất thổ cư diện tích 6.080 m² và một căn nhà tranh vách đất diện tích 40,79 m² kể từ nay trở về sau thuộc quyền sở hữu của ông K và ông K có trách nhiệm làm thủ tục giấy tờ hợp pháp vì bà L đã cố tình vắng mặt nhiều lần cho nên phần bà L không có khiếu nại, thắc mắc gì cả.” Biên bản này có xác nhận của Ban Công an xã L.

[2.2] “Biên bản giải quyết việc thi hành án” nêu trên thể hiện bà D3 và bà L không có mặt khi giải quyết việc thi hành án. Như vậy, Đội Thi hành án huyện

B giao diện tích đất và căn nhà cho ông K khi chưa tiến hành kê biên tài sản bị thi hành án; chưa tiến hành định giá tài sản kê biên và chưa tiến hành bán đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 29, Điều 31, Điều 34 Pháp lệnh Thi hành án dân sự ngày 17/4/1993 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là không đúng. Ngày 16/12/1999, Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 cho hộ gia đình ông K được sử dụng diện tích 58.162 m², bao gồm diện tích 6.950 m² đất trồng cây lâu năm thuộc Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16 là không đúng, nên ngày 13/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5227/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông K là có căn cứ. Do ông K không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 5227/QĐ-UBND nêu trên, nên ngày 19/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2118/QĐ-UBND về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 ngày 16/12/1999 của hộ gia đình ông K là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Tuy nhiên, ngày 14/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194210 cho bà Hoàng Thị L đối với Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16 cũng là không đúng, bởi lẽ: tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT ngày 12/5/1995, Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé đã quyết định bà L được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 6.080 m² tại Ấp 1, xã L, huyện B sau khi đã trả nợ cho ông K và trả bà D3 phần tài sản mà bà U được hưởng của ông H1. Bà L chưa trả cho ông K và bà D3, tức là chưa thi hành xong các khoản nợ nêu trên. Hơn nữa, theo Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT nêu trên thì thửa đất mà bà L được giao quyền sử dụng đã bị “quản thủ” để đảm bảo thi hành án.

[2.4] Ngày 12/9/2014, ông K khởi kiện vụ án hành chính đề nghị hủy Quyết định số 5227/QĐ-UBND; Quyết định số 519/QĐ-UBND và Quyết định số 1608/QĐ-UBND nêu trên, nhưng ngày 26/01/2015, bà L lập hợp đồng chuyển nhượng Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16 cho ông Hà Duy P và ngày 14/02/2015, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P là không đúng; vì tại thời điểm chuyển nhượng ông K đã khởi kiện vụ án hành chính và là người đang sử dụng thửa đất nêu trên, thửa đất đang có tranh chấp giữa ông K và bà L, nên không thể xác định ông P là người thứ ba ngay tình.

Do đó, Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước là không đúng quy định của pháp luật. Ngày 14/02/2015, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số BX 859739 cho ông Hà Duy P là không đúng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất tranh chấp giữa hộ gia đình ông K với hộ gia đình ông T3 và giữa hộ gia đình ông K với gia đình bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên theo quy định tại khoản 1 Điều

136 Luật Đất đai năm 2003 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là không đúng, bởi lẽ căn cứ Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 thu hồi giấy chứng nhận sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông K để cấp lại là đúng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước là đúng; nhưng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010, Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011, Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 ngày 09/9/2011 của ông Trần Kim T3 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 của ông Hà Duy P là không đúng.

[5] Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy Quyết định số 5227/QĐ-UBND, Quyết định số 2864/QĐ-UBND, Quyết định số 2118/QĐ-UBND nêu trên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 ngày 09/9/2011 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Kim T3 là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc hủy Quyết định số 519/QĐ-UBND, Quyết định số 1608/QĐ-UBND nêu trên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P là không đúng quy định của pháp luật. Khi Tòa án giải quyết lại phải hủy cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L ngày 14/9/2011.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 266, Điều 271, khoản 3 Điều 272 và Điều 274 Luật Tố tụng hành chính 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2022/KN-HC ngày 19/8/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần liên quan đến Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP (TANDTC), Vụ GDKTIII (3b), Vụ PC&QLKH (TANDTC), HSVA, Ths.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Biên Thùy